

**CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ANH PHÁT HT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ANH PHÁT HT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANH PHAT HT MEDICAL EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ANH PHAT HT EQUIP CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108049963

**3. Ngày thành lập:** 08/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 155 phố Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466737867

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3312        |
| 2.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3600        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4210        |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.                                                                                                 | 4329        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Kinh doanh trang thiết bị và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại | 4659(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299 |
| 9.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6619 |
| 10. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>chi tiết:<br>Tư vấn, môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6820 |
| 11. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô...;<br>- Sản xuất máy bơm tay;                                                                                                                                                                                                                      | 2813 |
| 12. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2817 |
| 13. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5510 |
| 14. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4753 |
| 15. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3250 |
| 16. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hóa chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330 |
| 19. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                    | 4759 |
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế Kiến trúc công trình<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế Xây dựng<br>- Giám sát thi công xây dựng<br>- Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng<br>- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình<br>- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu<br>+ Thẩm tra dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình<br>Đo đạc bản đồ. Chi tiết: - Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ;<br>- Vẽ bản đồ và thông tin về không gian. | 7110 |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410 |
| 23. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4669 |
| 24. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6202 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6209 |
| 26. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3100 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:<br>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Chôn chân trụ,<br>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,<br>+ Uốn thép,<br>+ Xây gạch và đặt đá, | 4390 |
| 28. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9620 |
| 29. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8130 |
| 30. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4220 |
| 31. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý; môi giới thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 32. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5820 |
| 33. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4741 |
| 34. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3320 |
| 35. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311 |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321 |
| 37. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641 |
| 38. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất;                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4649 |
| 39. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651 |
| 40. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                      | 7490 |
| 41. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: VŨ KHẮC MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/04/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038080000012

Ngày cấp: 20/12/2012

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TT.TTVH Vân Hồ 3, ngõ 49 Vân Hồ 2, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: TT.TTVH Vân Hồ 3, ngõ 49 Vân Hồ 2, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VŨ KHẮC MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/04/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038080000012

Ngày cấp: 20/12/2012

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TT.TTVH Vân Hồ 3, ngõ 49 Vân Hồ 2, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: TT.TTVH Vân Hồ 3, ngõ 49 Vân Hồ 2, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## **9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội